

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỠ CHÂU  
NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 19/5/2021  
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỠ CHÂU - NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phan Thị Duệ và bà Vi Thị Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Tăng Thành Vương - Thư ký tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử (Lần thứ hai) số 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Thu Th, sinh năm 1997.

Trú tại: Bản B, xã CP, huyện QC, tỉnh NA.

Tạm trú: Bản NH, xã CH, huyện QH, tỉnh NA.

Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lương Văn D, sinh năm 1993.

Trú tại: Bản B, xã CP, huyện QC, tỉnh NA.

Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn xin ly hôn đề ngày 18/3/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Thu Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Lương Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CP, huyện QC, tỉnh NA vào ngày 03/02/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố, mẹ đẻ của anh D là ông Lương Thanh S và bà Lang Thị Ng tại bản B1 (nay là bản B), xã CP, huyện QC, tỉnh NA. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu xảy ra từ tháng 5/2017. Nguyên nhân là do trong thời gian vợ chồng đi làm thuê tại tỉnh TN thì chị Th có xin việc làm cho anh D nhưng

anh D không chịu khó làm ăn, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh D không nghe. Sau đó, chị đã đưa con về nhà bố, mẹ đẻ của chị ở huyện QH sinh sống. Anh D có đến xin lỗi và vợ chồng đã quay lại đoàn tụ với nhau. Sau khi gửi con cho bố, mẹ đẻ của chị Th thì vợ chồng cùng nhau đi làm thuê. Tuy nhiên, mỗi người làm ở một nơi. Do ở cách xa nhau và vợ chồng cũng ít liên lạc nên tình cảm ngày càng nhạt dần. Từ tháng 5/2020 cho đến nay hai người không còn liên lạc hay gặp mặt nhau. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lương Văn D. Ngoài ra chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có tài liệu, chứng cứ gì giao nộp thêm cho Tòa án, không thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện

- Về quan hệ con cái: Vợ chồng có một con chung tên là Lương Anh Q, sinh ngày 03/7/2016, ngoài ra hai người không nhận nuôi con nuôi và chị Th không có con riêng. Hiện nay con chung đang ở cùng với chị. Nếu ly hôn, chị Th yêu cầu được nhận nuôi con chung và không yêu cầu anh Lương Văn D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Chị Trương Thị Thu Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vào thời điểm nộp đơn khởi kiện, chị Th trình bày hiện tại anh D đang đi làm ăn xa nhưng không biết địa chỉ cụ thể ở đâu vì anh D che dấu không cho biết nên đã có đơn đề nghị Tòa án thông báo và sao gửi bản sao Đơn khởi kiện cùng các tài liệu kèm theo cho anh D.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Lương Văn D đến để giải quyết nhưng anh D cố tình vắng mặt. Tiến hành xác minh tại UBND xã CP được biết, anh Lương Văn D hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản B, xã CP, huyện QC, tỉnh NA. Hiện nay, anh D không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ và khi đi cũng không khai báo tạm vắng với chính quyền. Bà Lang Thị Ng là mẹ đẻ anh D cho biết, anh D hiện nay đang đi làm thuê ở xa, thỉnh thoảng có gọi điện về cho gia đình nhưng bà cũng không biết cụ thể anh D đang làm công việc gì và đang tạm trú ở đâu. Tòa án cũng đã tiến hành lập biên bản không hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 của Bộ luật TTDS. Mở phiên Tòa để xét xử vụ theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng và không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cố tình che dấu địa chỉ.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51;56; 81; 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình, điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Thu Th. Cho chị Th được ly hôn anh Lương Văn D.

- Về quan hệ con cái: Đề nghị giao con chung là Lương Anh Q, sinh ngày 03/7/2016 cho chị Trương Thị Thu Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lương Văn D.

- Về quan hệ tài sản: Đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Buộc chị Trương Thị Thu Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở xem xét đầy đủ lời khai của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại xã CP, huyện QC, tỉnh NA. Do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện QC theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự có mặt của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Toà: Nguyên đơn chị Trương Thị Thu Th trong quá trình giải quyết vụ án chấp hành đúng và đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt phù hợp quy định và được chấp nhận. Bị đơn anh Lương Văn D trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh nhưng anh D hiện tại đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, khi đi không khai báo tạm vắng. Anh D cố tình vắng mặt và không thông báo cho chị Th và Tòa án biết địa chỉ nơi anh D đang tạm trú và làm việc. Căn cứ vào Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP TANDTC ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn thi hành một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn là chị Trương Thị Thu Th đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn, bị đơn anh Lương Văn D không có mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn và Tòa án biết nơi tạm trú của mình, anh D cố tình che giấu địa chỉ. Căn cứ khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ tình cảm: Hôn nhân của chị Trương Thị Thu Th và anh Lương Văn D được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh D là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong thời gian vợ chồng cùng nhau đi làm thuê anh D không chịu khó làm ăn. Tuy nhiên, mâu thuẫn đã được hai bên tự hòa giải và vợ chồng đã quay lại đoàn tụ với nhau. Do nhu cầu cuộc sống phải đi làm thuê mỗi người một nơi và ít liên lạc với nhau nên tình cảm ngày càng phai nhạt và từ tháng 5/2020 đến nay đã ly thân, hai người không còn liên lạc hay gặp mặt nhau. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn và từ khi sống ly thân cho đến nay giữa hai người không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Anh Lương Văn D cũng không có động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn đã

thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Thu Th. Cho chị Trương Thị Thu Th được ly hôn anh Lương Văn D.

- Về quan hệ con cái: Chị Trương Thị Thu Th và anh Lương Văn D có với nhau 01 con chung là Lương Anh Q, sinh ngày 03/7/2016. Ngoài ra vợ chồng không nhận nuôi con nuôi và chị Th không có con riêng. Nếu ly hôn, chị Th yêu cầu được nhận nuôi con chung và không yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay con chung đang sống cùng chị Th và anh D không có mặt tại địa phương, bản thân chị Th có sức khỏe, có nhận thức và đủ khả năng làm ăn để nuôi con. Vì vậy, cần giao con chung cho chị Trương Thị Thu Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lương Văn D.

- Về quan hệ tài sản: Chị Trương Thị Thu Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Th phải chịu án phí DSST theo quy định.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 51; 56; 81; 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình. Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Thu Th. Cho chị Trương Thị Thu Th được ly hôn anh Lương Văn D.

- Về quan hệ con cái: Giao con chung là Lương Anh Q, sinh ngày 03/7/2016 cho chị Trương Thị Thu Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lương Văn D.

Anh D được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Trương Thị Thu Th phải chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm ngàn đồng) chị Th đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện QC theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001758 ngày 18/3/2021. Chị Trương Thị Thu Th đã nộp đủ án phí DSST.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, tất cả đều được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh NA trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhân :**

- *TAND Tỉnh NA;*
- *VKSND huyện QC;*
- *UBND xã CP, huyện QC ;*
  - *Chi cục THA Dân sự huyện QC;*
- *Những người tham gia tố tụng ;*
- *Lưu HSVA ;*

**Võ Văn Dũng**